TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86 /2022/DS-PT
Ngày: 18-10-2022
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Chịu.

Các Thẩm Phán: + Bà Lê Thị Thái Lan.

+ Bà Đậu Thị Quy.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Cao Thị Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa:* Ông Phan Văn Công - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 63/2022/TLPT-DS ngày 15 tháng 8 năm 2022 về "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản". Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 45/2022/DS-ST ngày 09 tháng 6 năm 2022 của Toà án nhân dân thành phố Tuy Hòa bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2022/QĐXXPT-DS ngày 06 tháng 9 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa ngày 22/9/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm: 1962; Địa chỉ: Số 91, đường T, phường M, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phạm Hồng P, sinh năm: 1983; Địa chỉ: Số 333B, đường T phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Võ Thanh S, sinh năm: 1949; Địa chỉ: Số 01/2, đường T, phường M, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Võ Văn C, sinh năm: 1969; Địa chỉ: Số 116, đường T, phường B, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Võ Văn C: Ông Nguyễn Tường L, sinh năm: 1984; Địa chỉ: STH 26.03, đường 18A, khu đô thị L, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

+ Ông Lưu Văn P, sinh năm: 1993; Địa chỉ: khu phố N, phường C, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thống nhất cùng trình bày: Vào ngày 14/01/2021, ông Võ Thanh S vay của bà Nguyễn Thị Thu H số tiền 1.740.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất 0,1%/ngày, hẹn trong vòng 01 tháng sẽ trả hết nợ. Ông S viết giấy và ký xác nhận việc vay tiền. Nhưng đến hạn, ông S không trả tiền gốc và tiền lãi cho bà H. Tính đến ngày 08/02/2021, ông S chỉ trả cho bà H số tiền lãi 43.500.000 đồng, từ đó đến nay không trả nữa, dù bà H đã nhiều lần nhắc nhở. Nay bà H khởi kiện, yêu cầu Tòa giải quyết: Buộc ông S phải trả cho bà H số tiền gốc 1.740.000.000 đồng và tiền lãi 30%/năm tính từ ngày 09/02/2021 đến ngày Tòa xét xử sơ thẩm.

Bị đơn ông Võ Thanh S trình bày: Tôi (S) thừa nhận vào ngày 14/01/2021 có ký giấy vay của bà H số tiền 1.740.000.000 đồng như bà H khởi kiện. Việc vay có thỏa thuận lãi suất. Tuy nhiên, khoản vay này tôi đứng ra vay giùm cho em trai tôi là Võ Văn C. Ông C viết giấy nhận nợ bà H và gọi điện trực tiếp đến bà H. Khoản tiền vay được nhận 07 lần, cụ thể: Ngày 30/11/2020, nhận 320.000.000 đồng; Ngày 07/12/2020, nhận 380.000.000 đồng; ngày 25/12/2020, nhận 270.000.000 đồng; ngày 28/12/2020, nhận 250.000.000 đồng; ngày 29/12/2020, nhận 200.000.000 đồng; ngày 31/12/2020, nhận 170.000.000 đồng và ngày 04/01/2021, nhận 150.000.000 đồng. Trong đó, ngày 30/11/2020, tôi (S) dẫn ông C đến tiệm vàng bà H, ông C trực tiếp gặp bà H nhận tiền; 06 lần còn lại, ông C gọi điện cho tôi đến tiệm vàng bà H mượn giùm, rồi nhờ cháu Lưu Văn P đến nhận tiền và đưa cho ông C. Số tiền 1.740.000.000 đồng tôi chỉ vay giúp cho ông C nên đề nghị Tòa xem xét buộc ông C phải trả tiền cho bà H. Hiện tôi không có khả năng trả nợ, tôi xin bà H không tính tiền lãi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn C đã ủy quyền cho ông Nguyễn Tường L trình bày: Số tiền 1.740.000.000 đồng bà Nguyễn Thị Thu H yêu cầu ông Võ Thanh S trả, thực chất đây là khoản vay mà ông Võ Văn C đã nhờ ông S vay của bà H như ông S trình bày. Ông C chấp nhận trả số tiền vay 1.740.000.000 đồng cho bà H. Về lãi, ông C đã trả cho bà H 02 lần tổng cộng 91.500.000 đồng, trả bằng tiền mặt nhưng không viết giấy xác nhận. Đề nghị Tòa án xem xét tính lại lãi theo quy định pháp luật. Nguyên đơn chưa đủ điều kiện khởi kiện vì hợp đồng vay không có thời hạn. Đề nghị bác đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H và hủy bản án sơ thẩm.

Ông Lưu Văn P trình bày: Tôi (P) có đến tiệm vàng Kim P của bà Nguyễn Thị Thu P (H) nhận các khoản tiền do ông Võ Thanh S là cậu ruột của tôi vay bà P (H) như sau: Ngày 07/12/2020, nhận 380.000.000 đồng; ngày 25/12/2020, nhận 270.000.000 đồng; ngày 28/12/2020, nhận 250.000.000 đồng; ngày 29/12/2020, nhận 200.000.000 đồng; ngày 31/12/2020, nhận 170.000.000 đồng và ngày 04/01/2021, nhận 150.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, tôi giao lại toàn bộ số tiền trên cho ông Võ Văn C. Cuối tháng ông C có đưa tôi 45.000.000 đồng lên trả lãi cho bà P (H).

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 45/2022/DS-ST ngày 09 tháng 6 năm 2022 của Toà án nhân dân thành phố T đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H.

Buộc bị đơn ông Võ Thanh S phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H số tiền vay còn nợ tính đến ngày 09/6/2022, tổng cộng là 2.184.666.665 đồng (*Hai tỷ một trăm tám mươi tư triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi lăm đồng*), trong đó: gốc là 1.740.000.000 đồng, lãi là 444.666.665 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 16 tháng 6 năm 2022, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn Cơ có đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

Ngày 24 tháng 6 năm 2022, bị đơn ông Võ Thanh S có đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn ông Võ Thanh S giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn C giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan giữ nguyên lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.Về án phí: giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến các bên đương sự, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đối với quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cấp sơ thẩm xác định đúng quan hệ pháp luật "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản" thuộc trường hợp tranh chấp Hợp đồng dân sự, được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Xét tại cấp sơ thẩm đã mở phiên tòa ngày 25/5/2022, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn C đã ủy quyền cho ông Nguyễn Tường L yêu cầu tạm ngừng phiên tòa để được tiếp cận, sao chụp tài liệu chứng cứ và tiến hành đối chất nên cấp sơ thẩm quyết định tạm ngừng phiên tòa và ấn định lại thời

gian mở lại phiên tòa tiếp tục xét xử vụ án vào lúc 14 giờ 00 phút, ngày 09/6/2022; địa điểm tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T. Các đương sự đều được thông báo hợp lệ. Do đó, việc bị đơn, người đại diện theo ủy quyền của ông Võ Văn C và ông Lưu Văn P vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm ngày 09/6/2022, trong đó: ông L, ông S có đơn xin hoãn phiên tòa là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm không chấp nhận và căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 259 Bộ luật tố tụng dân sự, cấp sơ thẩm tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp quy định pháp luật tố tụng.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của bị đơn ông Võ Thanh S cho rằng ông S không vay tiền 1.740.000.000 đồng của bà H mà chỉ đứng ra vay giùm cho ông Võ Văn C (em ruột của ông S) nên bà H không có quyền khởi kiện ông S và ông S cũng không phải có nghĩa vụ trả lại cho bà H số tiền 2.184.666.665 đồng (*Hai tỷ một trăm tám mươi tư triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi lăm đồng*), trong đó: tiền gốc 1.740.000.000 đồng, tiền lãi 444.666.665 đồng. Việc xác định người có nghĩa vụ trả cho bà H 2.184.666.665 đồng (*Hai tỷ một trăm tám mươi tư triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi lăm đồng*) tiền gốc và lãi vay phải là ông Võ Văn C. Hội đồng xét xử thấy: Ông S thừa nhận vào ngày 14/01/2021 có ký giấy vay của bà H số tiền 1.740.000.000 đồng như bà H khởi kiện, việc vay có thỏa thuận lãi suất. Khoản tiền vay được nhận tất cả 07 lần, cụ thể: Ngày 30/11/2020, nhận 320.000.000 đồng; Ngày 07/12/2020, nhận 380.000.000 đồng; ngày 25/12/2020, nhận 270.000.000 đồng; ngày 28/12/2020, nhận 250.000.000 đồng; ngày 29/12/2020, nhận 200.000.000 đồng; ngày 31/12/2020, nhận 170.000.000 đồng và ngày 04/01/2021, nhận 150.000.000 đồng. Đồng thời ông S cũng xác nhận có ký vào sổ của bà H 07 lần mượn tiền, nhưng do lúc đó tay ông Võ Văn C bị gãy nên ông C nhờ ông S ký giùm, mặc dù ông C đứng ra nhận nợ nhưng không làm phát sinh nghĩa vụ của ông C với bà H như nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm là hoàn toàn có cơ sở, phù hợp với tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

[3] Xét kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn C cho rằng lời khai của ông Võ Thanh S thừa nhận vào ngày 14/01/2021 có ký giấy vay của bà H số tiền 1.740.000.000 đồng. Nhưng bà H không trực tiếp giao tiền cho ông S mà bà H giao tiền cho ông Lưu Văn P 06 lần và 01 lần giao cho ông Võ Văn C, cho thấy bà H chưa hoàn thành nghĩa vụ của mình trong việc cho vay tài sản, thực chất khoản vay này ông S đứng ra vay giùm cho ông Võ Văn C. Hội đồng xét xử thấy: Việc ông Võ Thanh S đứng ra ký giấy vay tiền của bà H là vay giùm cho ông C, nhưng đó là thỏa thuận giữa ông S và ông C. Còn người trực tiếp đứng ra giao dịch, xác lập Hợp đồng và được bà H đồng ý cho vay là ông S. Ông S vay tiền của bà H rồi đưa lại cho ông C nhận thì sẽ phát sinh nghĩa vụ giữa ông S với ông C. Ông S có quyền khởi kiện yêu cầu ông C phải trả lại cho mình số tiền này. Còn đối với việc ông S đứng ra viết, ký giấy vay tiền của bà H thì ông S phải có nghĩa vụ trả cho bà H về số tiền đã vay. Bà H không đồng ý ông S chuyển giao nghĩa vụ qua cho ông C trả là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 370 Bộ luật dân sự. Còn việc ông C nhận nợ của bà H để trả thay cho ông S, cấp sơ thẩm không chấp nhận là có cơ sở, phù hợp với nhận định, đúng quy định pháp luật.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy nội dung kháng cáo của bị đơn; kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có cơ sở và tại cấp phúc thẩm người kháng cáo cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh nào mới. Nên Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Võ Thanh S và của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn C. Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm như Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên đề nghị tại phiên tòa là phù hợp với quy định pháp luật.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không được chấp nhận nên bị đơn ông Võ Thanh S, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo pháp luật. Tuy nhiên, bị đơn là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 12, 26, 29 Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Áp dụng các Điều 370, 463, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự năm 2015;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H.

Buộc bị đơn ông Võ Thanh S phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H số tiền vay còn nợ tính đến ngày 09/6/2022, tổng cộng là 2.184.666.665 đồng (*Hai tỷ một trăm tám mươi tư triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi lăm đồng*), trong đó: Tiền gốc 1.740.000.000 đồng, tiền lãi 444.666.665 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Về án phí:

Bị đơn ông Võ Thanh S là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn C phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp tại Biên lai thu tiền số: 0005446 ngày 12/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

Hoàn trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H 32.100.000 đồng (*Ba mươi hai triệu một trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền số: 0004620 ngày 04/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân

sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Phú Yên (2);
- TAND TP. Tuy Hòa (2);
- CCTHADS TP. Tuy Hòa;
- P.GĐKT;
- VP-TNV;
- Các đương sự;
- Lưu AV, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Chịu